



**SCENARIO BASED DIALOGUE
LEARNING ACTIVITY**

**SETTING
THE TABLE**

ĐẶT BÀN ĂN



ACKNOWLEDGEMENT

NHÌN NHẬN

We acknowledge the Boon Wurrung and Woi Wurrung language groups of the Kulin Nation, their Ancestors, Elders, families and communities who are the Traditional Custodians of the greater Melbourne, Werribee and the Mornington Peninsula areas. We acknowledge language revitalisation and practices are integral to culture, recognition and reconciliation.

Chúng tôi công nhận nhóm ngôn ngữ Boon Wurrung và Woi Wurrung của Dân tộc Kulin, tổ tiên, các tộc trưởng, gia đình và cộng đồng thổ dân. Họ là người giữ gìn lãnh địa truyền thống của Vùng đất Melbourne và ngoại vi, Werribee và bán đảo Mornington. Chúng tôi công nhận sự hồi sinh của ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ đi liền với văn hóa, công nhận và hòa giải.

This activity worksheet is designed to help you and your learner engage in conversation under the guidance of every day themed scenarios.

Bài tập này được thiết kế để giúp bạn và người học tham gia vào cuộc trò chuyện dưới sự hướng dẫn của các tình huống theo chủ đề hàng ngày.



CONTENTS

NỘI DUNG

MEAL TIME

GIỜ ĂN

DINNERWARE & CUTLERY

CHÉN BÁT VÀ DAO MUỖNG

BEVERAGE CONTAINERS

ĐỒ DÙNG UỐNG NƯỚC

KITCHEN UTENSILS

ĐỒ DÙNG NHÀ BẾP

CONDIMENTS

GIA VỊ

LEGEND | TRUYỀN THUYẾT

E = English translation

V = Vietnamese translation



MEAL TIME

GIỜ ĂN

E: Would you like to help me set the table for **breakfast**?

V: **Con/em** có thể giúp đặt bàn để mình **ăn sáng** nhé?

E: Would you like to help me set the table for **lunch**?

V: **Con/em** có thể giúp đặt bàn để mình **ăn trưa** nhé?

E: Would you like to help me set the table for **dinner**?

V: **Con/em** có thể giúp đặt bàn để mình **ăn bữa cơm tối** nhé?



DINNERWARE AND CUTLERY

CHÉN BÁT VÀ DAO MUỖNG

E: Can you please take out some small bowls from the kitchen cabinet?

V: **Con/em** phụ lấy bộ chén ăn cơm trong tủ chén ra giúp nhé?

E: Can you please take out some large bowls from the kitchen cabinet?

V: **Con/em** phụ lấy mấy tô trong tủ chén ra giúp nhé?

E: Can you please take out some small plates from the kitchen cabinet?

V: **Con/em** phụ lấy chồng đĩa nhỏ trong tủ bếp ra giúp nhé?

E: Can you please take out some large plates from the kitchen cabinet?

V: **Con/em** phụ lấy chồng đĩa lớn trong tủ bếp ra giúp nhé?

E: Can you please take out some dipping bowls from the kitchen cabinet?

V: **Con/em** phụ lấy mấy chén nước mắm trong tủ bếp ra giúp nhé?





DINNERWARE AND CUTLERY

CHÉN BÁT VÀ DAO MUỖNG



E: Can you please take out some chopsticks from the cutlery drawer in the kitchen?

V: **Con/em** phụ lấy mấy bó đũa trong hộc bếp ra giùm nhe?

E: Can you please take out some forks from the cutlery drawer in the kitchen?

V: **Con/em** phụ lấy mấy cái nĩa trong hộc bếp ra giùm nhe?

E: Can you please take out some tablespoons from the cutlery drawer in the kitchen?

V: **Con/em** phụ lấy mấy cái muỗng canh trong hộc bếp ra giùm nhe?

E: Can you please take out some butter knives from the cutlery drawer in the kitchen?

V: **Con/em** phụ lấy mấy con dao trét bơ trong hộc bếp ra giùm nhe?

E: Can you please take out some steak knives from the cutlery drawer in the kitchen?

V: **Con/em** phụ lấy mấy con dao cắt thịt trong hộc bếp ra giùm nhe?

E: Can you please take out some teaspoons from the cutlery drawer in the kitchen?

V: **Con/em** phụ lấy bộ mấy cái muỗng cà phê trong hộc bếp ra giùm nhe?



BEVERAGE CONTAINERS

ĐỒ DÙNG UỐNG NƯỚC



E: Can you please take out some cups from the kitchen cabinet?

V: **Con/em** phụ lấy bộ ly trong tủ bếp ra giùm nhe?

E: Can you please take out some mugs from the kitchen cabinet?

V: **Con/em** phụ lấy bộ ly cà phê trong tủ bếp ra giùm nhe?

E: Can you please take out some tea cups from the kitchen cabinet?

V: **Con/em** phụ lấy bộ tách trà trong tủ bếp ra giùm nhe?

E: Can you please take out the teapot from the kitchen cabinet?

V: **Con/em** phụ lấy cái bình trà trong tủ bếp ra giùm nhe?

E: Can you please take out the water jug from the kitchen cabinet?

V: **Con/em** phụ lấy cái bình nước trong tủ bếp ra giùm nhe?





KITCHEN UTENSILS

ĐỒ DÙNG NHÀ BẾP

E: Can you please take out some serviettes from the kitchen drawer?

V: **Con/em** phụ lấy khăn giấy trong hộc bếp ra giùm nhé?

E: Can you please take out a ladle from the utensil drawer in the kitchen?

V: **Con/em** phụ lấy một cái môi / vá trong hộc bếp ra giùm nhé?

E: Can you please take out a set of tongs from the utensil drawer in the kitchen?

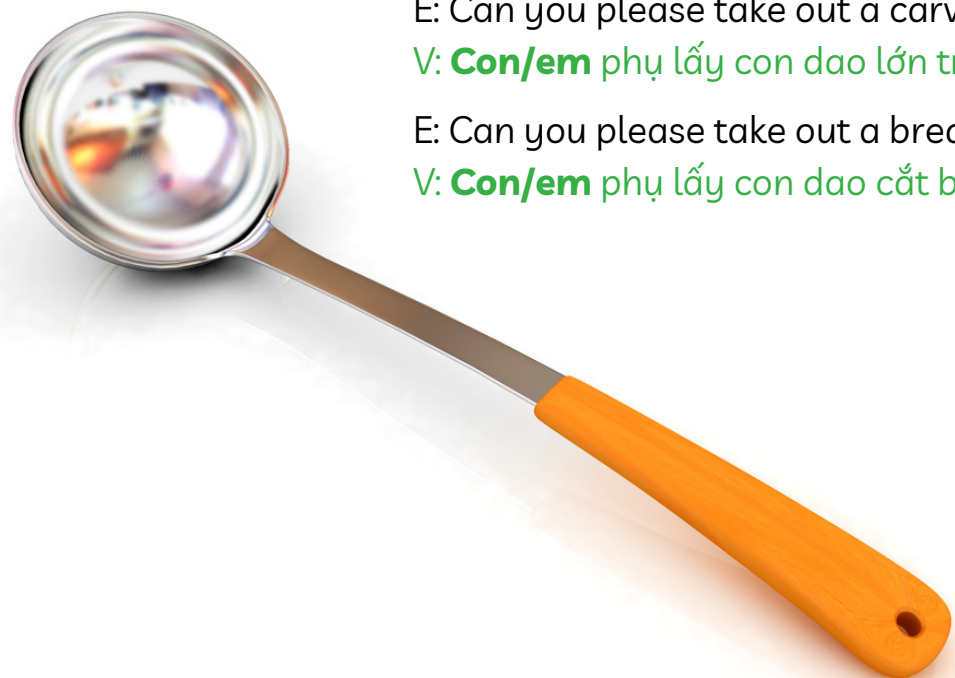
V: **Con/em** phụ lấy cái kẹp trong hộc bếp ra giùm nhé?

E: Can you please take out a carving knife from the knife block in the kitchen?

V: **Con/em** phụ lấy con dao lớn trong khối để dao ra giùm nhé?

E: Can you please take out a bread knife from the knife block in the kitchen?

V: **Con/em** phụ lấy con dao cắt bánh mì trong khối để dao ra giùm nhé?



CONDIMENTS

GIA VỊ

E: Can you please take out the salt and pepper shakers from the pantry?

V: **Con/em** phụ lấy chai muối và tiêu trong tủ để đồ ăn ra giùm nhe?

E: Can you please take out the jar of sugar from the pantry?

V: **Con/em** phụ lấy hũ đường trong tủ để đồ ăn ra giùm nhe?

E: Can you please take out the bottle of soy sauce from the pantry?

V: **Con/em** phụ lấy chai nước tương/xì dầu trong tủ để đồ ăn ra giùm nhe?

E: Can you please take out the bottle of fish sauce from the pantry?

V: **Con/em** phụ lấy chai nước mắm trong tủ để đồ ăn ra giùm nhe?

E: Can you please take out the jar of hoi sin sauce from the pantry?

V: **Con/em** phụ lấy chai tương ngọt trong tủ để đồ ăn ra giùm nhe?

E: Can you please take out the jar of shrimp paste from the pantry?

V: **Con/em** phụ lấy hũ mắm ruốc trong tủ để đồ ăn ra giùm nhe?

E: Can you please take out the jar of chilli oil from the pantry?

V: **Con/em** phụ lấy hũ dầu ớt trong tủ để đồ ăn ra giùm nhe?



CONDIMENTS

GIA VỊ

E: Can you please take out a fresh lemon from the fruit bowl?

V: **Con/em** phụ lấy trái chanh tươi trong đĩa trái cây ra giùm nhe?

E: Can you please take out some fresh chillies from the fridge?

V: **Con/em** phụ lấy ít trái ớt tươi trong tủ lạnh ra giùm nhe?

E: Can you please take out the bottle of chili sauce from the fridge?

V: **Con/em** phụ lấy chai tương ớt trong tủ lạnh ra giùm nhe?

E: Can you please take out the jar of crushed chillies from the fridge?

V: **Con/em** phụ lấy hũ tương ớt xay trong tủ lạnh ra giùm nhe?



A young girl with dark hair in pigtails, wearing a pink and white checkered dress, is smiling and holding a glass of milk in her right hand while giving a thumbs up with her left hand. In the top left corner, there are four colorful, teardrop-shaped graphics in pink, yellow, blue, and purple.

LET'S GET READY TO EAT!

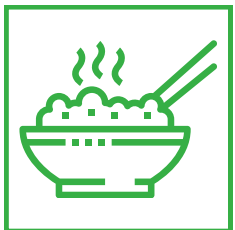
HÃY CHUẨN BỊ ĂN NGHE!



Help
Giúp



Breakfast
Ăn sáng



Dinner
Ăn tối



Kitchen
Bếp



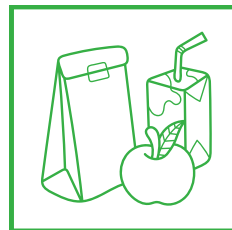
Kitchen Drawer
Hộc bếp



Large Bowl
Tô



Eat
Ăn



Lunch
Ăn trưa

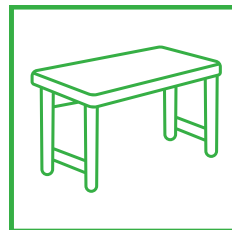
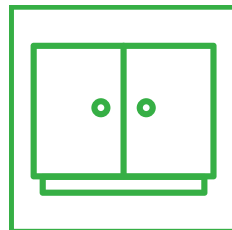
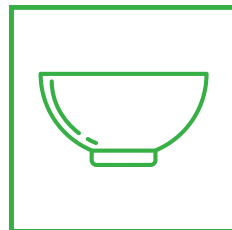


Table
Bàn



Kitchen Cabinet
Tủ bếp



Small Bowl
Chén



Plate
Dĩa



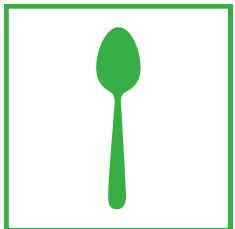
Dipping Bowl
Chén nước chấm



Fork
Nĩa



Butter knife
Dao trét / quẹt bơ



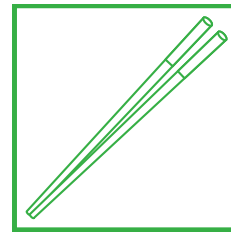
Teaspoon
Muỗng cà phê



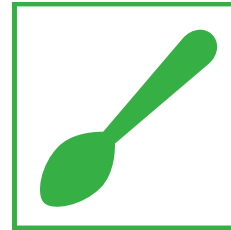
Mug
Ly cà phê



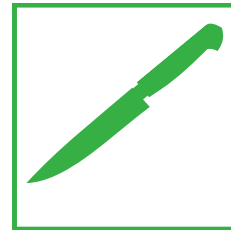
Tea pot
Bình trà



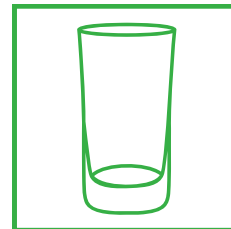
Chopsticks
Đũa



Tablespoon
Muỗng canh



Steak knife
Dao cắt thịt



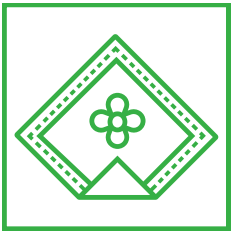
Cup
Ly



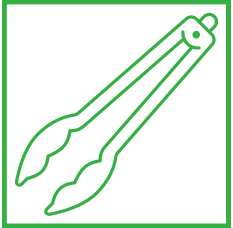
Tea cup
Tách trà



Water jug
Bình nước



Serviettes
Khăn giấy



Tongs
Kẹp



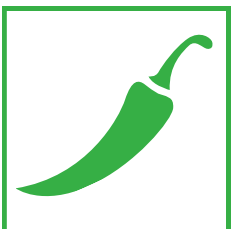
Bread knife
Dao cắt bánh mì



Salt and pepper shakers
Chai muối và tiêu



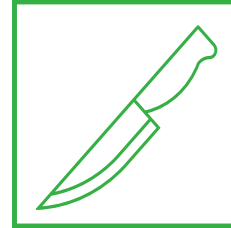
Soy sauce
Nước tương/xì dầu



Chillies
Trái ớt



Ladle
Môi/vá



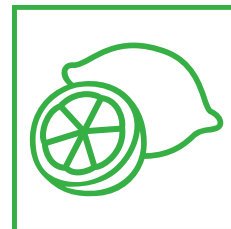
Carving knife
Dao lớn



Knife block
Khối để dao



Sugar
Đường



Lemon
Trái chanh



ViệtSpeak

Multilingual Advocacy
